

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THANH LÂM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 149/TB-UBND

Thanh Lâm, ngày 22 tháng 12 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc Công khai số liệu và thuyết minh dự toán ngân sách xã và kế hoạch hoạt động tài chính khác ở xã năm 2024 trình Hội đồng nhân dân xã

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 8288/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND huyện Mê Linh Về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của huyện Mê Linh;

Căn cứ vào phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách xã và kế hoạch hoạt động tài chính khác ở xã năm 2024, trình kỳ họp thứ 8 HĐND xã;

Ủy ban nhân dân xã Thanh Lâm giao Công chức Tài chính - Kế toán ngân sách xã thực hiện công khai phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách xã và kế hoạch hoạt động tài chính khác ở xã năm 2024 trình kỳ họp thứ 8 HĐND xã (theo các biểu kèm theo Thông báo này);

Hình thức công khai: Công khai trên trang thông tin điện tử của xã, niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và thông báo trên hệ thống Loa truyền thanh của xã;

UBND xã Thanh Lâm thông báo để các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, TT HĐND xã (để b/cáo);
- Các đ/c PCT UBND xã;
- Các đoàn thể ở xã;
- Trưởng các thôn;
- Đài truyền thanh xã (để t/hiện);
- Lưu: VP, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Giới

Thanh Lâm, ngày 22 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH
PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ CƠ CHẾ ĐIỀU HÀNH DỰ TOÁN
THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC XÃ THANH LÂM NĂM 2024

A. CƠ SỞ LẬP DỰ TOÁN:

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024-2026;

Căn cứ các nghị quyết của HĐND thành phố Hà Nội: số 21/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách, định mức phân bổ ngân sách thành phố Hà Nội và tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2023-2025; số 20/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số định mức phân bổ chi khác ngân sách quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể của thành phố Hà Nội quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 05/7/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND huyện Mê Linh: số 18/NQ - HĐND ngày 19/12/2023 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của huyện Mê Linh; số 19/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước huyện Mê Linh năm 2024; số 26/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 về phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 8288/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND huyện Mê Linh về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự

toán thu, chi ngân sách năm 2024 của huyện Mê Linh;

Căn cứ các chỉ tiêu giao dự toán thu năm 2024 trên địa bàn xã Thanh Lâm do ngành thuế quản lý và số thu ngân sách đạt được năm 2023 của xã;

B. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ ĐIỀU HÀNH NGÂN SÁCH:

*** Tình hình chung:**

Tại Quyết định số 8288/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND huyện Mê Linh về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của huyện Mê Linh. UBND huyện giao cho xã cân đối thu, chi trên địa bàn là **11.048, 571 triệu đồng**.

1. Thu ngân sách xã: (Chi tiết theo biểu đính kèm).

Thu Ngân sách nhà nước trên địa bàn xã theo chỉ tiêu pháp lệnh: **2.358,9 triệu đồng**;

Tổng thu Ngân sách xã được hưởng theo chỉ tiêu pháp lệnh là **11.048, 571 triệu đồng**, trong đó: các khoản thu hưởng 100% là: 720 triệu đồng, các khoản thu điều tiết là 1.638,9 triệu đồng; Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên là 8.689,671 triệu đồng (gồm: Thu bổ sung cân đối: 8.354,671 triệu đồng; thu bổ sung có mục tiêu 335 triệu đồng);

2. Chi ngân sách: (Chi tiết theo biểu đính kèm).

Tổng chi ngân sách xã là **11.048, 571 triệu đồng**, trong đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương là 548,2 triệu đồng (Số kinh phí 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương được phân bổ luôn trong năm ngay từ khâu dự toán đầu năm). Ngoài ra, nguồn kinh phí hoạt động của Đảng ủy xã được chi từ nguồn thu đảng phí được trích lại để chi theo quy định là 100 triệu đồng;

2.1. Chi thường xuyên:

Nguyên tắc phân bổ và điều hành ngân sách:

(1) Định mức khoán chi ngân sách xã (để thực hiện chế độ tự chủ).

a) *Đối tượng áp dụng:* Bao gồm cán bộ, công chức và những người hoạt động chuyên trách xã thuộc:

+ Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND xã; Các bộ phận chuyên môn thuộc UBND xã: Văn phòng - thống kê; Địa chính - xây dựng; Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Văn hóa - xã hội; Ban chỉ huy quân sự;

+ Đảng ủy xã; Ủy ban mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: Đoàn Thanh niên Công sản Hồ Chí Minh; Hội Liên hiệp phụ nữ; Hội nông dân; Hội Cựu chiến binh;

b) Nội dung định mức khoán chi ngân sách xã:

Kinh phí quản lý hành chính thực hiện chế độ tự chủ được xác định và giao dự toán (theo định mức khoán chi), bao gồm:

*** Giao quỹ tiền lương theo biên chế: 3.952 triệu đồng.**

- Thực hiện giao quỹ tiền lương theo số lượng biên chế được cấp có thẩm quyền giao là cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn. Về chỉ tiêu biên chế để xác định giao quỹ tiền lương cụ thể như sau:

- Cán bộ, công chức xã: Số lượng cán bộ, công chức được giao tại Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 07/9/2020 của UBND thành phố Hà Nội, cụ thể: xã loại 1 tối đa 22 người; Cán bộ, công chức xã được hưởng chế độ tiền lương, phụ cấp chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tính theo mức lương cơ sở 1.490 nghìn đồng/người/tháng và Chi bổ sung CCTL do tăng lương cơ bản từ 1.490 nghìn đồng lên 1.800 nghìn đồng;

- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã: Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có 10 chức danh theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND Thành phố, cụ thể: xã loại 1 tối đa không quá 14 người;

- Người hoạt động không chuyên trách thôn: Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn có 03 chức danh (Bí thư, Trưởng thôn, Trưởng ban công tác thôn) được giao tại Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND Thành phố;

*** Định mức khoán chi hoạt động theo biên chế được duyệt: 1.826 triệu đồng.**

Tiêu thức để xác định mức khoán chi hoạt động thường xuyên (ngoài quỹ lương) theo biên chế được duyệt, gồm:

+ Cán bộ, công chức xã (loại 1 tối đa 22 biên chế); Định mức khoán chi hoạt động: là 69,00 triệu đồng/biên chế/năm;

+ Người hoạt động không chuyên trách ở xã (loại 1 tối đa 14 biên chế); định mức khoán chi là 22,00 triệu đồng/biên chế/năm;

- Nội dung chi hoạt động thường xuyên trong định mức, gồm: Dịch vụ công (điện, nước, vệ sinh, thuê mướn lao động, tạp vụ...); Vật tư văn phòng (Văn phòng phẩm, mua sắm dụng cụ, công cụ văn phòng, văn phòng phẩm khác); Thông tin, tuyên truyền, liên lạc (điện thoại, cước bưu chính, internet, sách, báo, tạp chí, tủ sách pháp luật); Hội nghị, tiếp khách; Công tác phí trong nước; Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng tài sản phục vụ chuyên môn; Chính lý tài liệu lưu trữ; Mua sắm trang thiết bị văn phòng phục vụ hoạt động thường xuyên cho các chức danh, phòng làm việc của chức danh cán bộ, công chức theo định mức quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Chi nhiệm vụ chuyên môn: Hàng hóa, vật tư, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng; In ấn phô tô tài liệu, hồ sơ; Sách tài liệu chế độ dùng chuyên môn; xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng; bồi dưỡng đối với cán bộ công chức, viên chức làm công tác tiếp dân, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo; bồi dưỡng, cấp trang phục đối với trưởng bộ phận, công chức, lao

động hợp đồng làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Xây dựng đề án, chương trình và các khoản chi hành chính khác phục vụ hoạt động thường xuyên của bộ máy chính quyền cấp xã;

Tuy nhiên, trong năm UBND xã phải điều hành những công việc chung tại xã. Do vậy, sau khi dành nguồn kinh phí điều hành tập trung tại xã, số kinh phí tự chủ còn lại được phân bổ như sau:

Khối công chức được giao chi hoạt động theo mức là 20 triệu đồng/biên chế/năm; Khối Đảng ủy và HĐND giao chi hoạt động theo mức là 20 triệu đồng/biên chế/năm; Khối đoàn thể chính trị, quân sự giao chi hoạt động theo mức là 15 triệu đồng/biên chế/năm;

Cán bộ không chuyên trách giao chi hoạt động mức 5 triệu đồng/biên chế/năm đối với Đảng ủy xã, Quân sự xã, các đoàn thể chính trị, Hội NCT, CTĐ xã;

(2) Định mức chi thường xuyên khác ngân sách xã (tính theo dân số) với tổng số tiền là 4.009,121 triệu đồng

- Định mức chi thường xuyên khác ngân sách cấp xã được tính giảm dần theo 07 bậc dân số, cụ thể như sau:

Từ 5.000 người dân trở xuống: định mức 300.000 đồng/người dân;

Từ người dân thứ 5.001 đến 10.000: định mức 210.000đồng/người dân;

Từ người dân thứ 10.001 đến 15.000: định mức 170.000đồng/người dân;

Từ người dân thứ 15.001 đến 20.000: định mức 100.000đồng/người dân;

Từ người dân thứ 20.001 đến 25.000: định mức 90.000đồng/người dân;

Từ người dân thứ 25.001 đến 30.000: định mức 70.000đồng/người dân;

Từ người dân thứ 30.001 trở lên: định mức 50.000đồng/người dân;

- Định mức chi thường xuyên khác ngân sách cấp xã đảm bảo kinh phí chi các nội dung sau: Hỗ trợ các Hội đặc thù theo quy định của UBND Thành phố; hoạt động Ban thanh tra nhân dân, giám sát cộng đồng; chi công tác dân quân, tự vệ và bảo đảm trật an toàn xã hội trên địa bàn xã (theo phân cấp của thành phố); kinh phí thực hiện Luật dân quân tự vệ năm 2020, Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2016 của Chính phủ, Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã theo phân cấp và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 Quy định một số điều và biện pháp thi hành, Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an, các Nghị quyết của HĐND Thành phố về chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân tự vệ, dân phòng,...; Hỗ trợ hoạt động thôn, tổ dân phố về xây dựng khu dân cư, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, công tác hòa giải ở cơ sở; chi hoạt động thường xuyên của các Đảng ủy xã; tổ chức trao tặng huy hiệu Đảng; kinh phí hoạt động của HĐND cấp xã; kinh phí khoán chi hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tại xã; hỗ trợ hoạt động Tổ dân vận xã, thị trấn; hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng; hoạt

động Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của xã; kinh phí đặt báo cho cơ sở thôn; kinh phí chi hỗ trợ cho hoạt động tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai, phòng cháy chữa cháy và chi các hoạt động sự nghiệp khác theo phân cấp nhiệm vụ chi của xã;

+ Định mức chi thường xuyên khác ngân sách cấp xã không bao gồm quỹ tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản đóng góp đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn; trợ cấp cán bộ xã già yếu nghỉ việc; chi thù lao Chủ tịch Hội đặc thù ở xã;

* **Bổ sung có mục tiêu:** Tổng kinh phí hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách cấp trên là **335 triệu đồng**, trong đó:

- Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 01/6/2023 của Chính phủ: *Kinh phí khoán hoạt động chi theo mức lương 1.800 nghìn đồng đối với các Tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã: 120 triệu đồng (kinh phí khoán là 24 triệu đồng/đoàn thể);*

- Kinh phí nâng mức hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với Hội NCT, Hội CTĐ xã: 40 triệu đồng (*hỗ trợ 20 triệu đồng/Hội*);

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với tổ dân vận thôn: 45 triệu đồng;

- Hỗ trợ Đại hội Ủy ban MTTQ Việt Nam xã Thanh Lâm: 100 triệu đồng;

- Hỗ trợ Đại hội LHTN Việt Nam xã Thanh Lâm: 30 triệu đồng;

2.2. Chi đầu tư XD CB từ nguồn ngân sách xã: 400 Triệu đồng;

2.3. Chi dự phòng ngân sách: Tổng dự toán chi **210 triệu đồng**. Được sử dụng để chi các nhiệm vụ bất thường trong năm như: Chi khắc phục thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, tăng cường công tác an ninh, trật tự an toàn xã hội, công tác quốc phòng. Trước khi sử dụng, UBND xã trình TT. HĐND xã xem xét, phê duyệt.

Trên đây là thuyết minh phương án phân bổ và điều hành dự toán thu, chi NSNN xã Thanh Lâm năm 2024./.

Nơi nhận:

- TT ĐU – TT HĐND xã;
- Đ/c CT UBND xã;
- Các đ/c PCT UBND xã;
- Trưởng các ngành, đoàn thể xã;
- Trưởng các thôn trên địa bàn xã;
- Trưởng đài truyền thanh xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VP. TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Giới

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Đính kèm Thông báo số 149/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND xã Thanh Lâm)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023		DỰ TOÁN NĂM 2024		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	12,144,950	21,772,879	11,048,571	11,048,571	90.97	50.74
I	Các khoản thu 100%	1,208,803	1,208,803	720,000	720,000	59.56	59.56
	Phí, lệ phí	54,058	54,058	60,000	60,000	110.99	110.99
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	235,513	235,513	220,000	220,000	93.41	93.41
	Thu đền bù khi nhà nước thu hồi đất	904,432	904,432	400,000	400,000	44.23	44.23
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định				-		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		-	-	-		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		-	-	-		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		-	-	-		
	Thu khác	14,800	14,800	40,000	40,000	270.27	270.27
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1,546,125	1,546,125	1,638,900	1,638,900	106.00	106.00
1	Các khoản thu phân chia	1,546,125	1,546,125	1,638,900	1,638,900	106.00	2.59
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	968,325	968,325	1,104,700	1,104,700	114.08	114.08
	Thuế chuyển quyền sử dụng đất			-	-		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	34,200	34,200	34,200	34,200	100.00	100.00
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	543,600	543,600	500,000	500,000	91.98	91.98
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định			-	-		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn		6,055,025				
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		3,572,905				
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	9,390,022	9,390,022	8,689,671	8,689,671	92.54	92.54
	- Thu bổ sung cân đối	8,855,000	8,855,000	8,354,671	8,354,671	94.35	94.35
	- Thu bổ sung có mục tiêu	535,022	535,022	335,000	335,000	62.61	62.61

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Đính kèm Thông báo số 149/TB-UBND ngày 22/12/2023 của UBND xã Thanh Lâm)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023			DỰ TOÁN NĂM 2024			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	18,638,736	2,447,221	16,191,515	11,048,571	400,000	10,648,571	59.28	16.35	65.77
	<i>Trong đó</i>	-			0					
1	Chi giáo dục	-		-	0					
2	Chi ứng dụng, chuyên giao công nghệ	-		0	0					
3	Chi y tế	172,380		172,380	129,600		129,600	75.18		75.18
4	Chi văn hóa, thông tin	152,319		152,319	198,000		198,000	129.99		129.99
5	Chi phát thanh, truyền thanh	36,255		36,255	77,792		77,792	214.57		214.57
6	Chi thể dục thể thao	54,018		54,018	72,000		72,000	133.29		133.29
7	Chi bảo vệ môi trường	154,679		154,679	153,000		153,000	98.91		98.91
8	Chi các hoạt động kinh tế	1,583,897	1,300,000	283,897	562,500		562,500	35.51		198.14
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	10,141,053	1,147,221	8,993,832	8,602,868	400,000	8,202,868	84.83		91.21
10	Chi cho công tác xã hội	631,625		631,625	633,480		633,480	100.29		100.29
11	Chi khác	-			92,881		92,881			
12	Dự phòng ngân sách	-			210,000		210,000			
13	Chi nộp trả ngân sách cấp trên	12,510		12,510						
13	Chi dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương	-								
14	Dự kiến chi chuyển nguồn CCTL sang năm sau	5,700,000		5,700,000			316,450			



DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2024

(Đính kèm Thông báo số 05/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND xã Thanh Lâm)

Đơn vị: 1000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024		
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối ngân sách (Thu tiền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất)	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ								
1. Công trình chuyển tiếp								
Cải tạo, sửa chữa nhà hội trường và hệ thống rãnh thoát nước, sân bê tông trong khuôn viên trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thanh Lâm	05/2023-08/2023	1,705,000		1,625,000	1,000,000	400,000	400,000	
-								
Trong đó: hoàn thành trong năm								
2. Công trình khởi công mới								
Trong đó: hoàn thành trong năm								

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2024

(Đính kèm Thông báo số 05/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND xã Thanh Lâm)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023			KẾ HOẠCH NĂM 2024		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ						
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	72,371	23,003	49,368	73,000	73,000	0
- Quỹ đền ơn đáp nghĩa	37,853	1,770	36,083	40,000	40,000	0
- Quỹ vì người nghèo	34,518	21,233	13,285	33,000	33,000	0
2. Các hoạt động sự nghiệp						
+ Chợ						
+ Bến bãi						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi

